TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2026/HS-ST
Ngày 29-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trương Thị An, nghề nghiệp: Nguyên Phó Trưởng phòng Giáo dục và đào tạo huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Bà Đặng Thị Minh, nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng Giáo dục và đào tạo huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 92/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2026/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2026, đối với bị cáo:

Các Văn M, sinh ngày 06/10/2009 tại Hải Phòng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo 16 tuổi 03 tháng 22 ngày) tại Hải Phòng; căn cước công dân số: 022209009594; nơi cư trú: Tổ E, phường D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Các Văn Q, sinh năm 1984 và bà Cao Bích T, sinh năm 1988; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 13/3/2026 đến ngày 18/3/2026 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Ông Các Văn Q, sinh năm 1984 (bố đẻ bị cáo); nơi cư trú: Tổ E, phường D, thành phố Hải Phòng và bà Cao Bích T, sinh năm 1988 (mẹ đẻ bị cáo); nơi cư trú: Khu E, phường M, tỉnh Quảng Ninh; bà T vắng mặt, ông Q có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Vũ Thị Minh H - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; có mặt.

- *Người làm công tác xã hội Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Hải Phòng:* Bà Phạm Thị H1, sinh ngày 27/7/1988; chức vụ: Chuyên viên phòng Văn hóa - Xã hội phường D; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị hại:* Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1982 và anh Phạm Minh T2, sinh năm 2001; cùng nơi cư trú: Khu C, tổ dân phố V, phường A, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có phương tiện đi lại nên Vũ Đình T3 rủ Các Văn M đi trộm cắp tài sản. Trong các ngày 28/01/2026 và 11/3/2026, cả hai thực hiện 02 vụ trộm cắp xe mô tô tại khu chung cư H, thuộc tổ dân phố V, phường A, thành phố Hải Phòng. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 28/01/2026, cả hai đi xe mô tô của T3 (không biển số) đến khu chung cư H để xe ở đường nội bộ rồi đi đến dãy nhà L3 thấy xe mô tô Honda AirBlade, màu xanh đen, biển kiểm soát (BKS) 15AB-122.62 của anh Phạm Văn T1 để ở hành lang không có người trông coi. T3 dắt chiếc xe này ra chỗ để xe, sau đó điều khiển xe Wave đẩy xe mô tô vừa lấy được do M điều khiển đến khu vực cầu An Đồng tháo BKS ném xuống sông L. Sau đó, cả hai đẩy xe về nhà T3 tại tổ dân phố N, phường D, thành phố Hải Phòng cất giấu.

Vụ thứ hai: Khoảng hơn 01 giờ ngày 11/3/2026, cả hai đi xe mô tô BKS 17B3-344.71 (Trưởng mượn của bạn là Bùi Gia K ở tổ dân phố N, phường D) đến khu chung cư H, để xe ở đường nội bộ rồi đi đến dãy nhà L17B9 thấy xe mô tô Honda AirBlade, BKS 15AB-189.04 của anh Phạm Minh T2 đang để ở hành lang không có người trông coi, không khoá cổ, khóa càng. T3 dắt chiếc xe trên ra chỗ để xe rồi điều khiển xe đẩy xe mô tô vừa lấy được do M điều khiển về cất giấu tại nhà T3.

Sau khi bị mất xe, anh T2 và anh T1 đã đến Công an phường A, thành phố Hải Phòng trình báo. Ngày 13/3/2026, T3 và M đến Công an phường A tự thú, khai nhận hành vi trộm cắp như trên và giao nộp 03 xe chiếc mô tô BKS: 15AB-122.62, 15AB-189.04, 17B3-344.71.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của T3 không thu giữ đồ vật, tài liệu liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản nêu trên.

Kết luận định giá tài sản ngày 17/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường A, kết luận: Xe mô tô BKS 15AB-122.62 của anh T1 trị giá 41.316.000 đồng; xe mô tô BKS 15AB-189.04 của anh T2 trị giá 46.645.000 đồng. Tổng trị giá 02 xe là 87.961.000 đồng.

Tại Quyết định tách vụ án hình sự số 6274/QĐ-VPCQCSĐT ngày 26/3/2026 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã tách hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Các Văn M để xác minh, điều tra hành vi tại thời điểm

bị cáo phạm tội là người chưa thành niên quy định tại Điều 129 của Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Người làm công tác xã hội Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Hải Phòng - Bà Phạm Thị H1 trình bày: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã nhiều lần phạm tội mặc dù không đủ điều kiện áp dụng biện pháp chuyển hướng theo quy định tại Điều 38 của Luật Tư pháp người chưa thành niên nhưng bị cáo là người chưa thành niên đang trong giai đoạn phát triển, tâm sinh lý chưa hoàn thiện, thích khám phá, khả năng nhận thức chưa đầy đủ về các quy định của pháp luật và hậu quả của hành vi mình thực hiện nên đã vi phạm pháp luật. Vì vậy, đề nghị xử bị cáo mức hình phạt phù hợp vừa để đảm bảo tính giáo dục, răn đe; vừa tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm, sớm trở về với gia đình và xã hội.

Bản cáo trạng số 47/CT-VKSKV2 ngày 05/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng đã truy tố bị cáo: Các Văn M về tội Trộm cắp tài sản theo điểm điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu và khai bị cáo được Vũ Đình T3 rủ đi trộm cắp tài sản với mục đích để có phương tiện đi lại. Bị cáo thừa nhận việc bị điều tra, truy tố, xét xử là không oan sai, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử mức án thấp nhất để có cơ hội sửa chữa sai lầm, làm công dân tốt. Người đại diện hợp pháp của bị cáo trình bày lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay đúng như lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, thiếu hiểu biết; gia đình chưa quan tâm, quản lý sát xao; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án khoan hồng để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành người có ích.

Kiểm sát viên trình bày luận tội, khẳng định: Cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Điều 12, Điều 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên:

Tuyên bố bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản; xử phạt bị cáo mức án từ 18 đến 21 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày 13/3/2026.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Được xử lý tại vụ án Vũ Đình T3.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Do bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi nên người đại diện hợp pháp là ông Các Văn Q và bà Cao Bích T có trách nhiệm nộp thay án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo khi phạm tội chỉ hơn 16 tuổi và chưa đủ 18 tuổi nhận thức pháp luật chưa đầy

đủ, hành vi phạm tội chỉ là đồng phạm giản đơn, quá trình giải quyết vụ án bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh bị cáo bố mẹ ly hôn và gia đình chưa quản lý, giáo dục đúng mức. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo theo mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo đồng ý với bản luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên thu thập đã đầy đủ và theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về những người tham gia tố tụng: Người làm công tác xã hội Ủy ban nhân dân phường D là bà Phạm Thị H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị hại là anh Phạm Văn T1, anh Phạm Minh T2 và người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Cao Bích T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

- Về tội danh và hình phạt:

[4] Lời khai của bị cáo Các Văn M tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại; đơn xin tự thú, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng đã thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 28/01/2026 và 11/3/2026, tại khu chung cư H thuộc tổ dân phố V, phường A, thành phố Hải Phòng, Vũ Đình T3 và Các Văn M đã cùng nhau lén lút chiếm đoạt xe mô tô BKS 15AB-122.62 của anh Phạm Văn T1 trị giá 41.316.000 đồng và xe mô tô BKS 15AB-189.04 của anh Phạm Minh T2 trị giá 46.645.000 đồng; tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 87.961.000 đồng.

Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo 16 tuổi 03 tháng 22 ngày là người có năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật Hình sự; nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng

xét xử kết luận, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự. Vì vậy, phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân khu vực 2 - Hải Phòng truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ.

[6] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại có tổng giá trị là 87.961.000 đồng. Đây là tình tiết định khung hình phạt "chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về vai trò: Trong vụ án này, bị cáo cố ý cùng thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự nhưng là đồng phạm giản đơn vì không có sự câu kết chặt chẽ (như chỉ huy, phân công, chỉ đạo, điều hành) giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Vũ Đình T3 là người khởi xướng, rủ bị cáo M đi trộm cắp tài sản và trực tiếp lấy tài sản mang về nhà cất giữ; bị cáo M là người giúp sức, cùng với T3 đi trộm cắp tài sản và điều khiển xe mô tô trộm cắp được mang về nhà T3. Vì vậy, T3 có vai trò lớn hơn M.

[8] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà mỗi lần đều có đủ yếu tố cấu thành tội phạm nhưng chưa có lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên phải chịu tình tiết tặng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo khắc phục hậu quả và tự thú nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo Điều 12 và Điều 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên.

[9] Về việc không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng: Bị cáo Các Văn Minh phạm tội nghiêm trọng do cố ý 02 lần trở lên nên không đủ điều kiện để được xem xét, áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo quy định tại Điều 38 của Luật Tư pháp người chưa thành niên.

[10] Xét các căn cứ quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử cho rằng cần thiết phải áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án nghiêm, buộc phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định mới đảm bảo giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung;

đồng thời xử phạt theo mức án mà Kiểm sát viên đã đề nghị đối với bị cáo là thỏa đáng.

[11] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại các Điều 12 và Điều 115 của Luật Tư pháp người chưa thành niên.

[12] Về dân sự: Được xử lý tại vụ án Vũ Đình T3 nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[13] Đối với hành vị trộm cắp tài sản của Vũ Đình T3 và vật chứng của vụ án sẽ được xem xét, giải quyết trong trong vụ án hình sự theo quyết định khởi tố vụ án số 369/QĐ-VPCQCSĐT ngày 18/3/2026 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H nên không giải quyết trong vụ án này.

[14] Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Do bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi nên người đại diện hợp pháp phải nộp thay án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[15] Về quyền kháng cáo: Bị hại, bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Điều 12, Điều 38, Điều 115, Điều 119 và Điều 132 của Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Tuyên bố bị cáo Các Văn M phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Các Văn Minh 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 13/3/2026.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Các Văn M.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Các Văn M phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Do bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi nên người đại diện hợp pháp là ông Các Văn Q và bà Cao Bích T có trách nhiệm nộp thay án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Các Văn M, người bào chữa và người đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại là anh Phạm Văn T1 và anh Phạm Minh T2 có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2-Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 2-Hải Phòng;
- Trại tạm giam số 1-CATP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PV06);
- Cơ quan THAHS-CATP Hải Phòng (PC10);
- UBND (xã, phường, đặc khu) nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tùng

Hoàng Văn Đ **Đoàn Văn N**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thế Sự Đỗ Thị Viện Nguyễn Thanh Tùng

cho bị cáo được hưởng án thấp nhấp, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em trong độ tuổi từ đủ 13 đến dưới 16. Mặc dù giữa bị cáo và bị hại có tình cảm nam nữ, việc quan hệ tình dục là sự đồng thuận của cả hai bên. Tuy nhiên, bị hại là người chưa đủ 16 tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế nên hành vi quan hệ tình dục tự nguyện này là trái pháp luật và bị nghiêm cấm. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết nhằm giáo dục bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm.